**Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-QĐCT/SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung**

**trong dự án, dự thảo văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |  | ***Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-QĐCT/SĐBS*** |

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo văn bản:** **:** **Nghị định quy định Danh mục hàng nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2:** **Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024*  *Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử 03 tháng 6 năm 2008;*  *Căn cứ Luật Hóa chất ngày 29 tháng 6 năm 2018;*  *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020.* |
| *Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014* |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)* | | |
| **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có      Không □  Nêu rõ lý do: Đảm bảo sự minh bạch trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có      Không □  Nêu rõ lý do: Đảm bảo sự minh bạch, phân định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của các đối tượng tham gia giải quyết thủ tục hành chính | | |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có      Không □  Nêu rõ lý do: Đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ của các đối tượng tham gia giải quyết thủ tục hành chính | | |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có □     Không  Nêu rõ lý do: Cơ chế liên thông chỉ áp dụng giữa cơ quan quản lý nhà nước từ trên xuống dưới. | | |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có      Không □  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra.  Lý do quy định: Đảm bảo việc tuân thủ các quy định trong vận chuyển hàng hoá nguy hiểm được thực hiện đúng thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan quản lý có đủ cơ sở để cấp giấy phép vận chuyển.  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □     Không  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: ……………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………………………………………………... | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp  Bưu chính   Điện tử  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp   Bưu chính  Điện tử | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có      Không □  Nêu rõ lý do: Để các đơn vị đề nghị cấp giấy phép vận chuyển được biết để lựa chọn phương án tối ưu  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?  Có      Không □  Nêu rõ lý do: Giảm thiểu, tối ưu thời gian và chi phí cho đơn vị kinh doanh vận chuyển hàng hoá nguy hiểm | | |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | | | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm | - Nêu rõ lý do quy định: Để xác định các thông tin của doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, loại hình hàng hóa nguy hiểm đề nghị cấp giấy phép vận chuyển  - Yêu cầu, quy cách: theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Nghị định này. | | |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản chính hoặc bản sao Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển kèm theo bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận chuyển còn thời hạn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp; | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về điều kiện của phương tiện tham gia vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định  - Yêu cầu, quy cách: Bảng kê danh sách phương tiện và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện vận chuyển | | |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3: Bản chính hoặc bản sao Bảng kê danh sách người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm (gồm: họ và tên; số căn cước công dân; số giấy phép, hạng giấy phép (đối với lái xe) và danh sách người áp tải đối với trường hợp bắt buộc phải có người áp tải (gồm: họ và tên, số căn cước công dân) kèm bản sao giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn theo quy định; | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về điều kiện của người tham gia vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định  - Yêu cầu, quy cách: Bảng kê danh sách người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm, người áp tải | | |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4: Bản sao Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện của người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ đối với vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; | Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về nguồn gốc hợp pháp của vật liệu nổ công nghiệm  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn của người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ đối với vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao chứng chỉ chuyên môn đặc biệt của thuyền viên đối với vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa | | |
| đ) Tên thành phần hồ sơ 5: Bản chính hoặc bản sao phương án tổ chức vận chuyển hàng hoá nguy hiểm của đơn vị vận chuyển (trong đó nêu rõ: biển kiểm soát xe; họ và tên người điều khiển phương tiện/thuyền viên; loại hàng; khối lượng; tuyến đường, thời gian vận chuyển; biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố cháy, nổ); | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp của người áp tải, người điều khiển phương tiện và phương tiện vận chuyển  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao hoặc bản chính phương án tổ chức vận chuyển hàng hoá nguy hiểm của đơn vị vận chuyển, trong đó nêu rõ tuyến đường, lịch trình vận chuyển hàng hoá nguy hiểm; biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố cháy, nổ; Bản sao hoặc bản chính Phương án ứng phó sự cố tràn dầu (chỉ áp dụng đối với trường hợp vận tải xăng dầu trên đường thủy nội địa); | | |
| e) Tên thành phần hồ sơ 6: Bản sao hoặc bản chính hợp đồng mua bán, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản cho phép thử nổ công nghiệp (trường hợp vận chuyển đi thử nổ công nghiệp) hoặc quyết định hủy vật liệu nổ công nghiệp (trường hợp vận chuyển đi hủy) của cơ quan có thẩm quyền; | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về tiếp nhận, quản lý, bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao hoặc bản chính hợp đồng mua bán, cung ứng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản cho phép thử nổ công nghiệp (trường hợp vận chuyển đi thử nổ công nghiệp) hoặc quyết định hủy vật liệu nổ công nghiệp (trường hợp vận chuyển đi hủy) của cơ quan có thẩm quyền; | | |
| g) Tên thành phần hồ sơ 7: Bản sao hoặc bản chính biên bản kiểm tra của Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền về điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp của người áp tải, người điều khiển phương tiện và phương tiện vận chuyển (kèm theo bản chính để đối chiếu); | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao hoặc bản chính biên bản kiểm tra của Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền về điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp của người áp tải, người điều khiển phương tiện và phương tiện vận chuyển (kèm theo bản chính để đối chiếu); | | |
| h) Tên thành phần hồ sơ 8: Bản sao hoặc bản chính giấy đăng ký khối lượng, chủng loại và thời gian tiếp nhận của cơ quan trực tiếp quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp được vận chuyển đến hoặc văn bản cho phép về địa điểm bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về điều kiện xuất khẩu và vận chuyển vật nổ công nghiệp từ Việt Nam ra nước ngoài  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao hoặc bản chính giấy đăng ký khối lượng, chủng loại và thời gian tiếp nhận của cơ quan trực tiếp quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp được vận chuyển đến hoặc văn bản cho phép về địa điểm bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; | | |
| i) Tên thành phần hồ sơ 9: Bản sao giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về điều kiện xuất khẩu và vận chuyển vật nổ công nghiệp từ Việt Nam ra nước ngoài  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; | | |
| k) Tên thành phần hồ sơ 10: Bản sao hoặc bản chính văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất khẩu hoặc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ Việt Nam ra nước ngoài (trường hợp vận chuyển ra nước ngoài).cho phép nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; | - Nêu rõ lý do quy định: đảm bảo quy định về điều kiện xuất khẩu và vận chuyển vật nổ công nghiệp từ Việt Nam ra nước ngoài  - Yêu cầu, quy cách: Bản sao hoặc bản chính văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất khẩu hoặc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ Việt Nam ra nước ngoài (trường hợp vận chuyển ra nước ngoài). | | |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có      Không □  Nêu rõ: Đảm bảo sự minh bạch, cụ thể của thành phần thủ tục hành chính, không gây cản trở, khó khăn cho đơn vị đề nghị cấp giấy phép | | |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ……………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có      Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 03 ngày  Lý do quy định: Đảm bảo sự minh bạch, đáp ứng yêu cầu quản lý. | | |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có □     Không □  Lý do quy định: ………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| **6. Đối tượng thực hiện** | | | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước       Nước ngoài  Mô tả rõ: Đơn vị kinh doanh vận chuyển hàng hoá nguy hiểm nước ngoài, trong nước đủ điều kiện được đề nghị cấp giấy phép vận chuyển  Lý do quy định: Phải là đơn vị có tổ chức để đảm bảo tính bài bản, chuyên nghiệp trong quản lý hoạt động vận chuyển  - Cá nhân: Trong nước □      Nước ngoài □  Mô tả rõ: …………………………………………………………………………………………………….  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………………..  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có      Không □  Nêu rõ lý do: Tuỳ theo tình hình phát triển kinh tế xã hội có thể mở rộng hoặc thu hẹp đối tượng thực hiện | | |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc     Vùng □     Địa phương □  - Nông thôn □    Đô thị □     Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: …………………………………………………………………………………………….  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có □     Không  Nêu rõ lý do: Phạm vi áp dụng với tất cả doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trên cả nước là phù hợp. | | |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 100 đối tượng | | | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có      Không □  - Lý do quy định: Đảm bảo đúng đối tượng theo chức năng quản lý chuyên ngành của từng cơ quan có thẩm quyền | | |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có      Không □  Nêu rõ lý do: Khi mà các đối tượng được phân cấp, uỷ quyền có đủ điều kiện về con người, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu thực tế. | | |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | | | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không       Có □  Nếu có, nêu rõ lý do: ………………………………………………………………………………………  - Phí: Không       Có □  Nếu Có nêu rõ lý do: ……………………………………………………………………………………….  - Chi phí khác: Không       Có □  Nếu Có, nêu rõ lý do: ………………………………………………………………………………………  - Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự án, dự thảo*):  + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………………………………………………….  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): ……………………………………………………………….  + Mức chi phí khác: ………………………………………………………………………………………..  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có □     Không □  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: .......................................................................................................................................................  ………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có □     Không  Nội dung quy định: ………………………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………………… | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có      Không □  Lý do: Đảm bảo các nội dung thông tin được thống nhất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền | | |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Nghị định này | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin pháp lý của chủ thể khai mẫu đơn.  Lý do quy định: Đảm bảo chủ thể khai mẫu đáp ứng quy định về đối tượng áp dụng của Thông tư  + Nội dung thông tin 2: Thông tin về loại hàng hoá nguy hiểm cần vận chuyển  Lý do quy định: Để cơ quan cấp giấy phép vận chuyển nắm được thông tin cơ bản về loại hàng hoá nguy hiểm cần xin giấy phép vận chuyển  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □     Không  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ……………………….  …………………………………………………………………………………………………………………  Lý do quy định: ……………………………………………………………………………………………… | | |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt      Song ngữ □     Nêu rõ loại song ngữ: …………………………………………………  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): …………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có  □ . Không   □  Lý do quy định: Không gây cản trở, khó khăn cho đối tượng áp dụng | | |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1: | - Lý do quy định: ……………………………  - Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:  + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có □   Không □  Nếu Có, đề nghị nêu rõ: ……………….  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có □. Không □  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ): …………………………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………………... | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép  - Giấy chứng nhận □  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính □  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: …………………………………………………....................................  …………………………………………………………………………………………………………………  Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy      Bản điện tử | | |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có      Không □  Lý do: Đảm bảo thống nhất nội dung trên cả nước | | |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có      Không □  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Không quá 02 năm hoặc theo thời hạn đăng kiểm của phương tiện.  - Nếu Không, nêu rõ lý do: …………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………….. | | |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc      Địa phương □  Lý do: | | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | |
| Họ và tên người điền: Trần Trung Hà  Điện thoại cố định: ……………………………..; Di động: 0917 75 69 69; E-mail: hatrungtran1980@gmail.com | | | |